TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH** ----------	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **25/2019/HNGĐ-ST**
Ngày 26/9/2019
"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thế Anh.
Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Bính và ông Vũ Kim Mỹ.
- **Thư ký phiên tòa**: Bà Lê Thị Thu Hà, thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Ninh Bình.
- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:*** Ông Ninh Trọng Khánh, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử công khai vụ án thụ lý số 70/2019/TLST - HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2019 về " Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1995. ĐKHKTT: xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: xóm 5, xã Y, huyện K, tỉnh Ninh Bình (có mặt).
- **Bị đơn**: Anh Phùng Dương H, sinh năm 1985; ĐKHKTT và trú tại: xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình (vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Phạm Thị H trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Chị và anh Phùng Dương H kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu có đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Q, huyện K là quê của anh H. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm 11, xã Q. Vợ chồng đã có thời gian chung sống hòa thuận là 01 năm sau đó phát sinh mâu thuẫn.

Theo chị H thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng lối sống, quan điểm sống, anh H không tu trí làm ăn nên vợ chồng thường

xuyên xảy ra đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên bố mẹ khuyên giải nhiều lần nhưng không được cải thiện mà nặng nề hơn. Do không thể chịu đựng được nên đã nhiều lần chị H bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân anh H. Sau đó vì con cái và được động viên của hai gia đình chị lại về đoàn tụ, cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng anh H không thay đổi mà ngày càng chơi bời. Khi chị đi làm, anh H kiếm cớ ghen tuông và chửi mắng chị thường xuyên. Lần gần đây nhất, do không thể chịu đựng được nên từ tháng 9/2018 chị và anh H đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng có 01 con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 01/4/2015, hiện đang do anh H nuôi dưỡng. Khi ly hôn ban đầu chị yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu anh H đóng góp tiền nuôi con cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phùng Dương H mặc dù có mặt tại địa phương đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của chị H; khi Tòa án lấy lời khai anh không trình bày; tại biên bản sự việc ngày 24/05/2019 anh có nêu quan điểm giữa anh và chị H trong thời gian chung sống đã thường xuyên xảy ra cãi chửi nhau; Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đã nhiều lần chị H yêu cầu anh đang làm ở xa về giải quyết việc ly hôn nhưng khi anh về để giải quyết ly hôn thì chị H lại thay đổi. Lần này chị Hlại làm đơn ly hôn, anh xác định mâu thuẫn xảy ra đã lâu, hai người đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa; vợ chồng không thể duy trì cuộc sống chung nên anh đề nghị Tòa án cứ giải quyết yêu cầu ly hôn của chị H và giải quyết vắng mặt anh.

Về con chung: Anh cũng công nhận vợ chồng có 01 con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 01/4/2015, hiện đang do anh nuôi dưỡng, kể từ khi vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn chị H bỏ về sinh sống với bố mẹ đẻ từ cuối năm 2016 đến nay chị H không quan tâm, chăm sóc gì đến con, việc nuôi dạy chăm sóc là do anh và gia đình anh. Nay chị H có yêu cầu xin được nuôi con là giả tạo; anh không đồng ý với yêu cầu được trực tiếp nuôi con của chị H. Khi ly hôn anh xin được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị H đóng góp tiền nuôi con cho anh, việc đóng góp tiền nuôi con để chị H tự giác và tự suy nghĩ đối với con.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về tố tụng: nguyên đơn và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; bị đơn chưa thự hiện đúng quy định của BLTTDS.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K về hướng giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH14; Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phùng Dương H; giao anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Phùng Hải Đ; ghi nhận sự tự nguyện đóng góp 01 triệu/tháng tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H của chị H kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung thành niên. Chị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn với anh Phùng Dương H, hiện cư trú tại xóm 11, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ quy định tại điều 28 và 39 BLTTDS vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện K. Bị đơn anh Phùng Dương H đã được Tòa án tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ Điều 227 và 228 BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Phùng Dương H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2014 tại UBND xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ; sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận một thời gian thì mới phát sinh mâu thuẫn.

Chị H và anh H đều xác định vì mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về lối sống, quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mâu thuẫn không còn khả năng khắc phục; vợ chồng đã sống ly thân từ 2016 không thể quay về chung sống cùng nhau được.

Tại biên bản sự việc ngày 24/05/2019 bố mẹ đẻ của anh H là ông Phùng Văn H và bà Dương Thị N cho biết trong cuộc sống vợ chồng giữa H và H sau khi kết hôn sống chung với ông bà; vợ chồng H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi chửi nhau; đã rất nhiều lần ông bà phải can thiệp và phân tích để thay đổi nhưng không có kết quả. Do xác định H và H không thể hòa hợp được ông bà đã gọi bố mẹ đẻ của chị H đến để bàn giao chị H về cho gia đình bố mẹ đẻ của chị H vào cuối năm 2016.

Xác minh tình trạng hôn nhân của chị H và anh H tại UBND xã Q là nơi anh chị cư trú; thì chính quyền địa phương cung cấp vợ chồng chị H và anh H có xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị tại xóm 5, xã Y sinh sống; hiện nay chị H, anh H không còn chung sống với nhau nữa.

Từ những căn cứ đó đã có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị H, anh H hiện nay đã trầm trọng, mâu thuẫn không thể khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể duy trì cuộc sống chung; căn cứ quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, yêu cầu của chị H giải quyết ly hôn anh H là có căn cứ được chấp nhận.

[3] Về con chung: Cả hai bên đương sự đều xác định vợ chồng có một con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 01/4/2015, hiện đang do anh H nuôi dưỡng kể từ năm 2016 đến nay khi chị H về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; ban đầu cả chị H và anh H đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi ly hôn và không yêu cầu phía bên kia phải đóng góp tiền cấp dưỡng; nhưng tại phiên tòa chị H nhường quyền nuôi con cho anh H và tự nguyện đóng góp tiền cấp dưỡng con chung cùng anh H là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung thành niên. Xét đề xuất cuả chị H là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật HNGĐ cần chấp nhận.

[4] Về quan hệ tài sản: Cả anh H và chị H đều không yêu cầu; do đó Hội đồng không xem xét về vấn đề này.

[5] Về án phí: Căn cứ quy định tại điều 147 BLTTDSS và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 buộc chị H phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82 83, 110, 116 và 118 Luật HNGĐ; Điều 147, 228 BLTTDS, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị H và anh Phùng Dương H.

2/ Về con chung: Giao anh Phùng Dương H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Phùng Hải Đ, sinh ngày 01/4/2015 đến khi thành niên. Chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh H là 1.000.000đ/ tháng kể từ tháng 9/2019 đến khi con chung thành niên

3/ Về án phí: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA 3018 ngày

17/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Chị H phải nộp thêm số tiền 300.000đ .

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã Q, Y;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thế Anh